THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1114/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ

Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh; có ý nghĩa chiến lược và lợi thế quan trọng trong việc mở rộng giao lưu kinh tế, đồng thời là điểm trung chuyển hàng hóa với các tỉnh Tây Nguyên, Lào, Cămpuchia, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar và cửa ra của tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây nối với đường hàng hải quốc tế và giao lưu hàng hóa với các quốc gia trên thế giới.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và định hướng Chiến lược biển Việt Nam; đảm bảo thống nhất với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực.

- Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, nhất là lợi thế về công nghiệp, dịch vụ và kinh tế biển; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; có các giải pháp chủ động phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển đồng bộ hệ thống các đô thị, khu dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng thân thiện với môi trường. Tập trung xây dựng các đô thị có điều kiện và lợi thế làm hạt nhân lan tỏa thúc đẩy phát triển và trở thành các trung tâm kinh tế của từng tiểu vùng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực và giữa các đồng bào dân tộc trong Vùng.

- Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến.

- Kết hợp chặt chẽ việc phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, đảm bảo công tác phòng thủ tuyến biên giới trên đất liền và trên biển.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung trở thành khu vực phát triển năng động, nhanh và bền vững, là một đầu cầu quan trọng của cả nước trong giao lưu hợp tác quốc tế; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Cải thiện căn bản đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng căn cứ kháng chiến; tăng cường công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người dân. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của thiên tai lũ bão, hạn hán, bảo vệ môi trường sinh thái; ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế

- Quy mô GDP của vùng năm 2020 gấp khoảng 2,2 lần năm 2010 (tính theo giá so sánh); tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 9%/năm giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 53,0 triệu đồng, tương đương 2.500 USD bằng khoảng 76% mức bình quân đầu người của cả nước.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển theo chiều sâu, tập trung khai thác các lợi thế so sánh của vùng, tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP tăng từ 35,7% năm 2010 lên 38,6% năm 2015 và 41,9% năm 2020; tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng từ 37,2% năm 2010 lên 38,1% năm 2015 và 39,9% năm 2020; tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP giảm từ 27,1% năm 2010 xuống 23,2% vào năm 2015 và 18,2% năm 2020; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2020 còn khoảng 32%.

- Đến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đạt trên 10 tỷ USD, tăng 16 - 18%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 giữ nhịp tăng trưởng của xuất khẩu trên mức 20%/năm; tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20 - 25%/năm.

b) Về văn hóa - xã hội

- Tốc độ tăng dân số của Vùng giai đoạn đến năm 2020 duy trì bình quân khoảng 1,1%/năm. Đến năm 2015 dân số của Vùng khoảng 20 triệu người và khoảng 21,2 triệu người vào năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới của Vùng giảm bình quân 2 - 3%/năm.

- Đến năm 2020, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 95% đối với bậc tiểu học; đến năm 2020 có 100% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu ngành giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Vùng đạt các chỉ số phát triển của các ngành học, bậc học bằng mức bình quân chung của cả nước vào năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm dưới 10% vào năm 2020; tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi giảm còn 19,3‰ vào năm 2015 và 11,0‰ vào năm 2020.

- Giải quyết việc làm cho khoảng 400 nghìn lao động (giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 180 nghìn, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 220 nghìn). Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4,5%; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% vào năm 2015 và đạt trên 65% vào năm 2020.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 32% vào năm 2015 và 42% vào năm 2020; Quy mô dân số đô thị của Vùng sẽ đạt khoảng 6,5 triệu người vào năm 2015 và 9 triệu người vào năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2020 có trên 95% dân số nông thôn và 100% dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Phấn đấu đến năm 2020 các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Nâng độ che phủ rừng từ 47,8% năm 2010 lên 58% vào năm 2020. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra; bảo vệ hệ sinh thái biển, ven biển và đa dạng sinh học, hệ thống các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; chủ động phòng, tránh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của bão, lũ, thiên tai, biến đổi khí hậu.

d) Về an ninh, quốc phòng

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giao thông ra biên giới, đường vành đai biên giới, hệ thống đồn trạm biên phòng và các khu vực phòng thủ, các khu dân cư vùng biên giới và cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, hải đảo của Tổ quốc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi tai nạn giao thông. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới tại các thôn bản.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

- Về phát triển nông nghiệp: Bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu Vùng theo hướng nâng cao độ an toàn của sản xuất, phòng tránh lũ lụt, nâng cao hiệu quả trên mỗi ha đất canh tác.

Xây dựng vùng chuyên canh trồng cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây rau màu có lợi thế theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu từng địa phương trong Vùng; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô phù hợp gắn với phát triển công nghiệp chế biến. Ứng dụng giống mới, công nghệ phù hợp vào sản xuất và chế biến, gắn sản xuất với thị

trường tiêu thụ tạo thành sự liên kết nông nghiệp - chế biến - dịch vụ - thị trường trên địa bàn Vùng.

Tập trung xây dựng mới và mở rộng một số đồng muối ở Tĩnh Gia (Thanh Hóa), Quán Thẻ (Ninh Thuận), Bình Nam ở Thăng Bình (Quảng Nam), Hòn Khói (Khánh Hòa) cung cấp muối phục vụ nhu cầu tiêu dùng.

- Về phát triển thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản công nghiệp và bán công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn sinh thái vùng ven biển. Tập trung phát triển nuôi trồng các loại thủy sản là đặc sản có giá trị cao (tôm hùm, cá ngựa, các loại nhuyễn thể...) phù hợp với điều kiện tự nhiên của Vùng. Đầu tư hạ tầng để phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung tại các địa phương bao gồm cả nuôi thủy sản trên vùng đất cát; quản lý chất lượng giống và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản. Thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản khu vực bãi ngang, đầm phá ven biển từ Nam Quảng Bình đến vùng đầm phá Tam Giang (Thừa Thiên - Huế); các vùng cửa sông từ Quảng Nam đến Bình Thuận.

Xây dựng âu thuyền, cầu tàu và điểm neo đậu tránh bão trong các vùng vịnh nhỏ, ở các vùng cửa sông và đảo nhỏ ven bờ. Từng bước nâng cấp đội tàu đánh bắt thủy sản công suất lớn có trang thiết bị hệ thống thông tin, đưa dẫn, ngư cụ và bảo quản đông lạnh hiện đại để nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ. Tổ chức tốt các dịch vụ hậu cần (cung cấp nước, đá, dầu, bảo dưỡng, sửa chữa…) phục vụ tàu đánh bắt trên biển dài ngày.

- Về phát triển lâm nghiệp: Thiết lập lâm phần ổn định, tập trung bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; khoanh nuôi tái sinh, trồng mới rừng phòng hộ ở các khu vực đầu nguồn xung yếu của các sông lớn để ngăn giảm lũ và chống sa lắng lòng hồ ở các vùng có hồ chứa, hồ thủy điện và trồng rừng ven biển. Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển các vườn quốc gia, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen động thực vật quý hiếm.

- Xây dựng nông thôn mới: Tập trung triển khai xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển vùng sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập và ổn định đời sống nhân dân. Coi kinh tế nông nghiệp, nông thôn là vệ tinh phát triển của các khu kinh tế và các đô thị trong Vùng.

2. Về Công nghiệp:

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của Vùng như: đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền, cơ khí chế tạo, dệt may, da giầy, sản xuất xi măng, chế biến thủy sản, mía đường.... Hình thành các trung tâm công nghiệp lớn ở các tỉnh: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Từng bước tạo dựng,

phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin để hỗ trợ cho các ngành Công nghiệp khác phát triển. Tập trung nguồn lực để đẩy nhanh việc phát triển công nghiệp hóa dầu thành một trong các trụ cột Công nghiệp của Vùng và cả nước.

Chú trọng phát triển công nghiệp quy mô vừa và nhỏ, sử dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Phát triển tiểu thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành nghề truyền thống như sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ mộc dân dụng, chế biến lương thực, thực phẩm.

Tập trung xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu kinh tế nhằm thu hút các doanh nghiệp đến đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Phát triển các cụm công nghiệp dọc các tuyến đường ngang nối liền các tỉnh trong Vùng với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên nhằm cung ứng các sản phẩm tiêu dùng cho vùng Tây Nguyên và tiếp nhận nguyên liệu từ nông, lâm nghiệp, phục vụ cho công nghiệp chế biến; gắn phát triển công nghiệp với hình thành các điểm đô thị ở khu vực nông thôn.

3. Phát triển dịch vụ và du lịch:

- Dịch vụ: Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội tăng bình quân hàng năm thời kỳ đến năm 2015 đạt 13,0%/năm; thời kỳ 2016 - 2020 là 16%/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 10 tỷ USD vào năm 2015, giai đoạn 2016 - 2020 giữ nhịp tăng trưởng của xuất khẩu trên mức 20%/năm.

Nâng cấp các trung tâm thương mại hiện có ở các tỉnh, thành phố như: thành phố Vinh (Nghệ an), thành phố Huế (Thừa Thiên - Huế), thành phố Đà Nẵng, thành phố Quy Nhơn (Bình Định), thành phố Nha Trang (Khánh Hòa); hình thành các trung tâm thương mại, các siêu thị ở các tỉnh, thành phố trong Vùng; hoàn chỉnh mạng lưới thương mại nội địa từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, ven biển. Tổ chức khai thác có hiệu quả hoạt động dịch vụ thương mại tại các khu kinh tế cửa khẩu đang hoạt động (Cầu Treo, Lao Bảo, Cha Lo…).

- Ngành du lịch: Phấn đấu đến năm 2020, xây dựng vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền trung trở thành Vùng có nhiều điểm du lịch kết nối được trong mạng lưới du lịch của các nước trong khu vực như: Thái Lan, Singapore, Malaixia, Inđônexia… và là điểm đến thường xuyên của các tour du lịch quốc tế.

Tập trung khai thác thế mạnh du lịch lịch sử, văn hóa, nghỉ dưỡng biển đối với các tỉnh, thành phố ven biển từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh. Khai thác thế mạnh các di sản văn hóa, địa danh lịch sử, đặc biệt là những cảnh quan thiên nhiên ở dải ven biển gắn với các di sản thế giới như động Phong Nha và khu du lịch sinh thái Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), các di sản văn hóa kiến trúc cố đô Huế,

đô thị cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn và văn hóa Chàm (Đà Nẵng, Quảng Nam), địa danh lịch sử (Quảng Trị), cùng các giá trị thiên nhiên trên trục đường Huế - Lăng Cô - Bạch Mã - Hải Vân - Sơn Trà - Bà Nà - Đà Nẵng, dải ven biển từ vịnh Nam Ô đến đô thị cổ Hội An. Phát huy thế mạnh của du lịch sinh thái biển và bản sắc văn hóa của các dân tộc hình thành các khu du lịch biển quy mô lớn, hiện đại như Đại Lãnh, vịnh Vân Phong, Nha Trang (Khánh Hòa), Ninh Chữ, Cà Ná (Ninh Thuận), Phan Thiết, Mũi Né (Bình Thuận), Vũng Rô (Phú Yên), Phương Mai - Núi Bà (Bình Định).

4. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội:

- Giáo dục - đào tạo: Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất trường học, lớp học; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu phát triển của Vùng. Ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực dịch vụ, du lịch chất lượng cao và các ngành công nghiệp điện tử, sản xuất phần mềm, tin học và tự động hóa....

Khai thác tối đa các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng hiện có; tập trung đầu tư xây dựng một số trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Đà Nẵng, Vinh, Huế, Đại học Nha Trang - tỉnh Khách Hòa ngang tầm với các trường chất lượng cao ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và các nước trong khu vực; xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả Vùng tại thành phố Đà Nẵng.

Triển khai thành lập và xây dựng các trường dạy nghề trong các khu kinh tế; mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề đến các huyện, xây dựng ở mỗi huyện có ít nhất 1 cơ sở dạy nghề. Xây dựng một số trường cao đẳng dạy nghề kỹ thuật cao tại Thành Hóa, Vinh (kết hợp với Trường đại học sư phạm kỹ thuật Vinh), Huế, Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn (kết hợp với Trường cao đẳng sư phạm kỹ thuật Quy Nhơn) và Nha Trang.

Phát triển, nâng cao năng lực đào tạo của các trường đại học Y, Dược và Viện nghiên cứu trong Vùng. Xây dựng đại học Y Huế trở thành đại học trọng điểm của Vùng; thành lập trường đại học Dược Huế; thành lập trường đại học Y Nghệ An sau năm 2015 trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Y tế Nghệ An. Mở thêm khoa Y tại các trường đại học Đà Nẵng, Quy Nhơn và đại học Nha Trang.

- Chăm sóc sức khỏe nhân dân: Củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện, khống chế và dập tắt các dịch bệnh, kể cả các dịch bệnh nguy hiểm mới phát sinh. Tăng dần tỷ trọng đầu tư cho y tế

dự phòng, chủ động phòng chống dịch, tiến tới giải quyết căn bản các bệnh nhiễm khuẩn; thanh toán bệnh phong, loại trừ bệnh uốn ván ở trẻ sơ sinh; chủ động phòng chống các bệnh tim mạch, huyết áp, tiểu đường, tâm thần, HIV-AIDS...; đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Xây dựng hoàn thành trung tâm y tế chuyên sâu trong Vùng tại thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng để cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho nhân dân. Mở rộng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, từng bước xây dựng các bệnh viện chuyên khoa để phát hiện và điều trị có hiệu quả các bệnh không lây nhiễm.

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân, tiến tới đưa các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đến từng hộ gia đình, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế có chất lượng.

- Văn hóa và thể dục thể thao: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống làm nền tảng cho sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc trong vùng; xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hóa, hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới trong vùng; đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa thông tin đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở của các tỉnh, thành phố trong Vùng.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng và từng bước hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất ngành thể dục - thể thao. Xây dựng ở mỗi tỉnh một trung tâm văn hóa - thể thao theo tiêu chuẩn; xây dựng, nâng cấp, mở rộng các cơ sở luyện tập thể dục, thể thao trên địa bàn các địa phương trong Vùng.

- Giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội: Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến công, khuyến nông - lâm - ngư nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và ổn định đời sống.

Đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em; vận động toàn dân tham gia các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", chăm sóc người có công với nước; chăm lo đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo hỗ trợ những người nghèo vươn lên hòa nhập cộng đồng. Thực hiện các quyền trẻ em bảo đảm trẻ em được chăm sóc, bảo vệ;

tạo môi trường lành mạnh, an toàn để trẻ em được phát triển toàn diện; ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng:

Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội của Vùng. Kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi và đê biển; phát triển đồng bộ mạng lưới đô thị và điểm dân cư nông thôn.

- Về phát triển giao thông:

Đường bộ: Ưu tiên đầu tư nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 1A, quy mô 4 làn xe, có giải phân cách và đường dành riêng cho xe máy, đến năm 2015 hoàn thành cơ bản một số đoạn trọng điểm và đến năm 2016 hoàn thành nâng cấp toàn tuyến. Nâng cấp các tuyến giao thông hành lang kinh tế Đông - Tây; xây dựng đường vành đai biên giới và hệ thống đường phía tây của các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Nam; hoàn thiện việc đầu tư tuyến đường ven biển; xây dựng đường Trường Sơn Đông từ Đà Nẵng đến Lâm Đồng; nâng cấp và hoàn thiện toàn bộ các tuyến Quốc lộ còn lại trong Vùng.

Đường bộ cao tốc: Từng bước xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam quy mô 6 - 8 làn xe, trước mắt ưu tiên xây dựng các đoạn: Ninh Bình - Bãi Vọt (Hà Tĩnh), Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Dầu Giây - Phan Thiết - Nha Trang.

Đường sắt: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam đạt cấp tiêu chuẩn kỹ thuật đường sắt quốc gia. Đầu tư, trang bị kỹ thuật đảm bảo chạy tàu đạt tốc độ 90 - 120km/h; nghiên cứu các phương án khả thi xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam.

Cảng biển: Rà soát lại quy hoạch hệ thống cảng biển, tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ cả bến cảng, luồng vào cảng, hệ thống dịch vụ hỗ trợ cảng, giao thông liên kết cảng với hệ thống giao thông quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cảng và các hoạt động dịch vụ cảng.

Hàng không: Hoàn thành cơ bản việc nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới một số cảng hàng không. Đồng bộ và hiện đại hóa các cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh. Tiếp tục nâng cấp cảng hàng không Chu Lai thành cảng hàng không trung chuyển hàng hóa quốc tế của khu vực; nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không Thanh Hóa, Vinh, Đồng Hới, Phù Cát, Tuy Hòa.

- Phát triển Thủy lợi:

Nâng cao năng lực trong nghiên cứu đánh giá nguồn nước, quy hoạch, thiết kế, xây dựng thủy lợi và quản lý tài nguyên nước ở các lưu vực sông, đảm bảo khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước gắn với phát triển bền vững.

Củng cố, nâng cấp các tuyến đê sông, đê biển; trồng và giữ rừng chắn sóng ven đê phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển. Nâng cấp, hoàn thiện và quản lý khai thác có hiệu quả các hệ thống thủy lợi hiện có (Bái Thượng, sông Mực, sông Hoạt, Yên Mỹ (Thanh Hóa); Đô Lương, Nghi Quang, Bến Thủy, Thanh Chương, sông Sào, Vực Mầu, hệ thống thủy nông Nam (Nghệ An); Linh Cảm, Kẻ Gỗ, sông Tiêm, sông Rác (Hà Tĩnh); Phú Vinh, Vực Tròn, An Mã, Cẩm Ly, Mỹ Trung (Quảng Bình); Nam Thạch Hãn, Trúc Kinh, Bảo Đài (Quảng Trị); Truồi (Thừa Thiên Huế). Tiếp tục xây dựng và hoàn thành các hồ chứa lớn trên địa bàn các lưu vực sông thực hiện nhiệm vụ cắt lũ, cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Về cấp điện:

Đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn (Thanh Hóa), Vũng Áng (Hà tĩnh), Sông Cầu (Phú Yên)...; xây dựng các dự án thủy điện (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi...); xây dựng nhà máy điện Hạt Nhân 1 (Ninh Thuận) theo Tổng sơ đồ phát triển Điện lực 7 để cung cấp điện cho toàn vùng và bổ sung nguồn điện cho cả nước. Đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện 110KV, 220KV, 500KV và hệ thống phân phối điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của các khu công nghiệp, đô thị và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

- Thông tin và truyền thông:

Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, dung lượng và tốc độ lớn. Phát triển viễn thông phục vụ tốt và kịp thời cho phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, phục vụ hiệu quả cho công tác tìm kiếm, cứu nạn trên biển và các vùng thường xuyên xảy ra bão lũ. Phát triển các dịch vụ viễn thông phục vụ phát triển kinh tế biển, đánh bắt hải sản xa bờ, phục vụ hàng hải, an toàn cứu nạn trên biển.

- Về cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường:

Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của các đô thị; nghiên cứu xây dựng các dự án cấp nước phù hợp đối với các khu vực nông thôn, ven biển và hải đảo. Xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt, nước ngầm trong toàn vùng để kiểm tra, giám sát độ ô nhiễm của nguồn nước.

Đầu tư nâng cấp, xây mới đồng bộ hệ thống thoát nước thải, nước mưa tại các đô thị; đảm bảo nước thải sinh hoạt, sản xuất tại các khu công nghiệp, bệnh viện, làng nghề được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra hệ thống tập trung.

Thu gom và xử lý rác thải tập trung nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường; ở mỗi tỉnh trong Vùng xây dựng ít nhất một khu xử lý chất thải rắn theo công nghệ tiên tiến để tái chế, hạn chế biện pháp chôn lấp nhằm tiết kiệm đất và đảm bảo vệ sinh môi trường.

6. Phát triển khoa học và công nghệ:

Phát triển đa dạng tiềm lực khoa học và công nghệ; ứng dụng công nghệ cao cho các ngành công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu,... và các ngành kinh tế. Phát triển tiềm lực khoa học công nghệ tại các tỉnh; đầu tư nâng cấp Viện Hải dương học Nha Trang và Phòng nghiên cứu thuộc trường Đại học Thủy sản Nha Trang.

Tập trung nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ về giống cây, giống con có năng suất cao thích ứng với điều kiện sinh thái của vùng; trước mắt đầu tư nâng cấp các cơ sở nghiên cứu sản phẩm công nghệ cao đối với nông nghiệp, thủy sản nhằm tạo các giống thủy sản cho năng suất cao, đặc biệt là các giống đặc sản phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.

Gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất - chuyển giao một cách có hiệu quả. Khuyến khích đổi mới thiết bị, công nghệ hiện đại cho những ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực có quy mô lớn và những khâu quyết định đến nâng cao chất lượng sản phẩm.

7. Sử dụng tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển "năng lượng sạch", "sản xuất sạch", "tiêu dùng sạch".

Sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả quỹ đất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích đất hiện có; duy trì diện tích lúa nước khoảng 230 nghìn ha nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng để đưa vào trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả; tận dụng các vùng đất hoang hóa, đất cát ven biển ít có khả năng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đưa vào sử dụng cho mục đích phát triển các khu cụm công nghiệp, điểm du lịch, hình thành các đô thị mới. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước; bảo vệ hệ sinh thái rừng đầu nguồn, thảm thực vật rừng phòng hộ. Bảo vệ diện tích đất rừng hiện có, tăng cường trồng mới

rừng kinh tế, rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi trọc, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; duy trì và từng bước nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên. Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi hải sản, gắn với bảo vệ môi trường biển..

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và Chương trình quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng; tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong công tác bảo vệ môi trường.

8. Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch và xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng đập tan âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch.

Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng các tuyến đường biên giới; đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới để kết hợp phát triển kinh tế với củng cố an ninh quốc phòng. Xây dựng các công trình bến cảng cá, đường cơ động ven biển, hạ tầng kinh tế - xã hội các đảo, nhằm tạo ra hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ từ ven bờ đến các đảo tiền tiêu để phục vụ cho khai thác xa bờ, phòng chống bão, bảo vệ an ninh, quốc phòng và chủ quyền biển đảo.

V. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển không gian đô thị:

Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu công nghiệp, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm; tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong Vùng với các Vùng lân cận.

Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại, du lịch và các điểm dân cư nông thôn thông qua hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên đất đai.

Đầu tư phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng tại các đô thị hạt nhân cấp Vùng như: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế (Thừa Thiên - Huế), thành phố Vinh (Nghệ An), thành phố Nha Trang (Khánh Hòa); đầu tư nâng cấp phát triển các đô thị vừa (thành phố, thị xã thuộc tỉnh), các đô thị nhỏ (thị trấn) và các đô thị mới trở thành hạt nhân tăng trưởng của Vùng.

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị gắn với hạ tầng dịch vụ thương mại tại các đô thị; hình thành một số trung tâm thương mại lớn đa dạng về chủng loại hàng hóa tại các đô thị, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân và khách du lịch.

2. Phát triển các tiểu vùng kinh tế

a) Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung *(Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định):*

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển các khu kinh tế thành những hạt nhân, trung tâm phát triển của Vùng. Xây dựng thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn thực sự là các trung tâm thương mại, du lịch và giao dịch quốc tế của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung.

- Đầu tư hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội như: cảng biển, các khu, điểm du lịch, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; hạ tầng về thủy lợi, giao thông, bưu chính viễn thông, cấp điện, hạ tầng đô thị và cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong Vùng để thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng và cụ thể hóa các cơ chế chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước vào đặc điểm của Vùng để tạo đà bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

b) Tiểu vùng Bắc Trung Bộ *(Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị):*

- Đẩy mạnh phát triển các Khu kinh tế: Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Hòn La và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo gắn với phát triển kinh tế biển để trở thành các trung tâm phát triển của các địa phương trong tiểu Vùng.

- Khai thác hiệu quả các thế mạnh về tài nguyên khoáng sản (sắt, thiếc, cao lanh, dầu mỏ...); đẩy mạnh phát triển công nghiệp cơ khí, đóng tàu, công nghiệp vật liệu xây dựng, dệt, da giày, may mặc, sản xuất đường; công nghiệp điện; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng tối đa hóa việc sử dụng tổng hợp nguồn nguyên liệu. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy lọc - hóa dầu Nghi Sơn, khu công nghiệp Fomosa và khu liêp hợp luyện kim Thạch Khê (Hà Tĩnh).

- Đầu tư mở rộng diện tích cây công nghiệp, cây lương thực, phát triển chăn nuôi, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến.

Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả trên mỗi ha đất canh tác. Bảo vệ, khoanh nuôi phát triển rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Khuyến khích khai thác đánh bắt thủy hải sản xa bờ, phát triển việc nuôi trồng thủy sản khu vực đầm phá ven biển để tăng sản phẩm xuất khẩu.

- Phát triển ngành dịch vụ như cảng biển, hàng không, ngân hàng, tài chính, bưu chính viễn thông. Đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch biển ưu thế gồm: nghỉ dưỡng biển và đảo, tham quan, leo núi, du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên và tham quan các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa.

- Xây dựng đô thị trung tâm các tỉnh trở thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật làm hạt nhân thúc đẩy vùng nông thôn phát triển. Xây dựng thành phố Vinh trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa của tiểu vùng Bắc Trung Bộ.

c) Tiểu vùng Nam Trung Bộ *(Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận):*

- Đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng các Khu kinh tế: Vân Phong, Nam Phú Yên. Phát triển công nghiệp cơ khí đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng, khí cụ điện, công nghiệp chế biến nông sản, thủy hải sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt, đường và các ngành công nghiệp nhẹ khác. Chuẩn bị các điều kiện để triển khai dự án nhà máy lọc dầu số 3 tại Vũng Rô, nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1.

- Đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, nuôi trồng thủy sản, nuôi tôm sú giống để khai thác có hiệu quả lợi thế về khí hậu và chế độ thủy vực. Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản công nghiệp theo quy hoạch, gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn sinh thái vùng ven biển. Xây dựng hệ thống các âu thuyền và cầu tàu ở các vùng cửa sông và đảo nhỏ ven bờ phục vụ dịch vụ đánh bắt và phòng chống bão cho tàu cá trên biển; phát triển dịch vụ hỗ trợ nghề cá xa bờ kết hợp với bảo vệ an ninh trên biển. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ chuyển giao khoa học kỹ thuật, dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư tới các hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- Khai thác thế mạnh về du lịch biển, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa dân tộc. Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại ở thành phố Tuy Hòa (Phú Yên), thành phố Nha Trang (Khánh Hòa), thành phố Phan Thiết (Bình Thuận) và tại một số tỉnh trong Vùng. Phát triển dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin và internet; dịch vụ tài chính, ngân hàng ở các khu kinh tế, cảng biển, sân bay và các đô thị của Vùng.

- Khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng các khu vực đầu nguồn xung yếu. Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả gắn với công nghiệp chế biến;

tập trung phát triển các cây cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn, dài ngày có lợi thế. Xây dựng một số đồng muối công nghiệp ở Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận.

d) Phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Tây của các tỉnh, thành phố trong Vùng:

Đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm cải thiện cơ bản đời sống nhân dân; gắn phát triển kinh tế vùng miền núi phía Tây với ổn định về xã hội và đảm bảo về quốc phòng an ninh biên giới.

Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là hệ thống giao thông, hình thành các đô thị vùng cao. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng và tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh.

3. Phát triển các Khu kinh tế:

- Phát triển các Khu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương; gắn hiệu quả phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Hình thành chức năng lòng cốt của từng Khu kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương; đồng thời sử dụng có hiệu quả tài nguyên và đảm bảo gắn kết với định hướng phát triển của Vùng trong từng giai đoạn.

- Tập trung triển khai các dự án, công trình trọng điểm nằm trong quy hoạch mang ý nghĩa quốc gia theo bước đi thích hợp. Phát triển các Khu kinh tế trở thành trung tâm kinh tế, đô thị, thương mại, giao dịch quốc tế của Vùng.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ (Có phụ lục kèm theo)

VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển

- Tập trung xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn vùng với trọng tâm là vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án nêu trong Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị và chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị, nhất là hệ thống kết nối hạ tầng khung kết nối giữa Vùng với các tỉnh Tây Nguyên, với Lào, Cămpuchia, Đông Bắc Thái Lan; hệ thống đường ven biển, đường cao tốc, cảng hàng không; cải tạo nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có đảm bảo giao thông bình thường trong mùa mưa lũ ... để kết nối với các Vùng lân cận.

- Xây dựng, cải tạo các công trình thủy lợi, thủy sản quan trọng phục vụ sản xuất, chủ động phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu; hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ.

- Phát triển các đô thị, Khu công nghiệp, Khu kinh tế làm hạt nhân tăng trưởng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương trong Vùng, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Vùng. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất.

2. Giải pháp về vốn đầu tư

- Tập trung phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng cường công tác chống thất thu, xử lý nghiêm các trường hợp trốn lậu thuế, gian lận thương mại; đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình, dự án có ý nghĩa chiến lược của Vùng không có khả năng thu hồi vốn như: khắc phục xử lý ô nhiễm môi trường, các cơ sở hạ tầng xã hội thiết yếu, các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời cân đối ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là đối với người nghèo, hộ gia đình chính sách; tăng cường công tác kiểm soát chi, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội trong Vùng.

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020; trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế; sử dụng và tranh thủ tối đa các nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội có quy mô lớn, đồng bộ và hiện đại.

- Phát triển thị trường tài chính minh bạch; đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao nhằm huy động tối đa nguồn lực để phát triển.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, tạo bước đột phá cho các địa phương: Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tạo điều kiện thu hút mạnh mẽ hơn nữa các nguồn lực trong và ngoài nước. Đa dạng hóa

các loại hình đầu tư, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Có các chính sách hỗ trợ về vốn để phát triển có trọng điểm các khu kinh tế. Tranh thủ tối đa nguồn vốn ODA, FDI và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển các công trình trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn.

- Chính sách phát triển các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai: Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải Miền Trung là vùng hứng chịu thiên tai với tần suất cao, mức độ thiệt hại lớn so với các vùng khác trong cả nước, do vậy cần có quy hoạch phát triển và bảo vệ rừng, phát triển các công trình thủy lợi lớn nhằm ngăn chặn hậu quả các trận lũ lụt, hạn hán, cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Chính sách đối với đồng bào thiểu số vùng miền núi phía Tây: Nghiên cứu xây dựng chính sách đối với đồng bào vùng miền núi phía Tây, đặc biệt là đồng bào các dân tộc ở những khu vực đặc biệt khó khăn nhằm từng bước ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng và ban hành các chính sách nhằm phát huy và thu hút nhân tài, lao động kỹ thuật trình độ cao đến làm việc lâu dài ở các địa phương trong Vùng, đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của Vùng.

- Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao trình độ nhận thức và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường công tác đào tạo nghề, hỗ trợ và giới thiệu việc làm bằng nhiều hình thức thích hợp; có chính sách đào tạo nghề cho lao động chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp; xây dựng kế hoạch và triển khai công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Ưu tiên dành quỹ đất cho các trường ngoài công lập nhằm đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa giáo dục - đào tạo; tăng cường đầu tư cho mạng lưới y tế cơ sở, hoạt động y tế dự phòng.

5. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước.

- Ưu tiên nghiên cứu ứng dụng các dự án khoa học - công nghệ phục vụ trực tiếp cho các ngành then chốt và sản phẩm mũi nhọn góp phần chuyển dịch cơ cấu

kinh tế của Vùng, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến về giống cây trồng và vật nuôi, kỹ thuật bảo quản và chế biến sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao có đủ năng lực tham gia vào các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ tiến tới làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ sinh học, điện tử, công nghệ thông tin… để từng bước nâng dần tính cạnh tranh của nền kinh tế phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới thân thiện môi trường trong những ngành có lợi thế như chế biến nông - lâm - hải sản, chế biến thực phẩm. Mở rộng hình thức liên kết hợp tác giữa các cơ sở sản xuất với cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học và các trường đại học nhằm đưa khoa học vào thực tế cuộc sống.

6. Giải pháp về cải cách hành chính

- Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và giải quyết tốt các thủ tục hành chính.

- Xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các quy chế; cơ chế, chính sách đảm bảo phát huy dân chủ, sáng kiến, sáng tạo và làm cho toàn bộ hệ thống chính quyền các cấp hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Nâng cao hiệu quả trong quản lý điều hành của chính quyền các cấp; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan nhằm khắc phục sự chồng chéo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, đồng thời tăng cường công tác phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong thực thi nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước.

7. Giải pháp về tăng cường hợp tác và phát triển thị trường

- Mở rộng hợp tác về công tác dự báo, phát triển công nghiệp, đào tạo, y tế, du lịch, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp nguồn nhân lực giữa các địa phương trong Vùng với các Vùng lân cận, nhằm phát huy hiệu quả các tiềm năng của Vùng.

- Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong Vùng về lĩnh vực xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; sử dụng chung kết cấu hạ tầng vùng về công nghiệp, xử lý chất thải rắn, nước thải, cấp nước, chợ đầu mối...; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch, hình thành các tour du lịch; khai thác, sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

- Tăng cường hợp tác phát triển thương mại qua biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, xây dựng mạng lưới giao thông, cấp điện giữa các địa phương Việt Nam với các địa phương thuộc Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Điều 2. Tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung sau khi được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch;

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch vùng, Quy hoạch của các Bộ, ngành và các địa phương trong vùng; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng và với các vùng khác. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm lập, trình phê duyệt các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn vùng phù hợp với những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Nghiên cứu, xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nêu tại Điều 1 Quyết định này nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra trong Quy hoạch.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng.

Các nhiệm vụ cụ thể đối với các Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải: Chỉ đạo xây dựng, hoàn thành đúng tiến độ các công trình giao thông quan trọng trên địa bàn Vùng. Đề xuất cơ chế huy động vốn cho các dự án phát triển giao thông vận tải quy mô lớn trên địa bàn Vùng;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hoàn thành xây dựng và tổ chức triển khai quy hoạch thủy lợi, các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ yếu trên địa bàn Vùng;

- Đề xuất cơ chế, chính sách và hỗ trợ các địa phương trong Vùng xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực; tạo điều kiện để một số trường đại học hiện đại hóa cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả Vùng.

d) Bộ Công Thương:

- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ xây dựng các nhà máy điện và mạng lưới cấp điện trên địa bàn Vùng;

- Chủ trì và phối hợp với các địa phương liên quan trong việc xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, các trung tâm thương mại quy mô Vùng.

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì và phối hợp với các địa phương liên quan trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học. Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương trong vùng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để chuẩn bị quỹ đất phục vụ các chương trình, dự án liên quan thực hiện quy hoạch;

e) Bộ Xây dựng: Kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, nghĩa trang, hệ thống cấp nước quy mô vùng; phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng:

- Chủ động rà soát điều chỉnh, bổ sung và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2020 phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phê duyệt tại Quyết định này.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
I	**Hạ tầng giao thông**
1	Đường bộ: - Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A; - Xây dựng các tuyến đường cao tốc: Ninh Bình - Thanh Hóa; Thanh Hóa - Hà Tĩnh (Bãi Vọt); La Sơn - Đà Nẵng; Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Nha Trang - Phan Thiết; Dầu Dây - Phan Thiết; - Hệ thống đường bộ ven biển từ Thanh Hóa đến Bình Thuận; - Hệ thống đường tuần tra biên giới giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
2	Hàng không: Nâng cấp các cảng Đà Nẵng, Phú Bài, Chu Lai, Cam Ranh
3	Cảng biển: Nâng cấp hoàn thiện các Cảng: Đà Nẵng, Nhơn Hội, Ky Hà, Nghi Sơn, cụm cảng Hà Tĩnh
4	Đường sắt: - Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam đạt tiêu chuẩn đường sắt cấp I quốc gia; - Nghiên cứu xây dựng đường sắt cao tốc đoạn: Hà Nội - Vinh; TP. Hồ Chí Minh - Nha Trang.
II	**Hạ tầng cung cấp điện**
	- Xây dựng các nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn (Thanh Hóa), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Sông Cầu (Phú Yên); - Xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi...); - Xây dựng Nhà máy điện Hạt Nhân (Ninh Thuận 1); - Xây dựng đường dây 500kV thứ 3 Nghi Sơn - Thái Bình; - Xây dựng các trạm biến áp 220kV Bỉm Sơn, Đô Lương, Quỳnh Lưu, Thạch Khê, Vũng Áng; - Hình thành mạch 2 đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc - Song Mây; - Xây dựng đường dây 220kV mạch kép dọc bờ biển từ Quảng Ngãi - Quy Nhơn - Tuy Hòa - Nha Trang; - Xây dựng mới trạm 220/110kV Tuy Hòa, Đức Phổ, Hoài Nhơn, Sông Cầu.

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
III	**Hạ tầng thủy lợi**
	- Đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê sông hiện có tại các tỉnh có đê từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. - Tiếp tục đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng các hồ Cửa Đạt (Thanh Hóa), hồ Rào Quán (Quảng Trị) kết hợp thủy điện, hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), hồ Định Bình (Bình Định), hồ Phú Ninh (Quảng Nam), hồ Thạch Nham và hệ thống hồ bổ trợ cho hồ Thạch Nham (Quảng Ngãi). - Triển khai các dự án thủy lợi Bắc sông Chu - Nam sông Mã, dự án thủy lợi Đồng Điền.
IV	**Công trình cảnh báo, phòng tránh thiên tai, cứu hộ cứu nạn**
	- Đầu tư phát triển mạng lưới quan trắc phải bảo đảm tính đồng bộ, tiên tiến, hiện đại, trên phạm vi toàn lãnh thổ. - Đầu tư đồng bộ hệ thống thông tin chuyên ngành thủy sản, trọng tâm là quản lý tàu thuyền nghề cá, Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường biển. - Đầu tư phát triển hỗ trợ nghề cá xa bờ, các khu neo đậu tránh trú bão kết hợp với bảo vệ an ninh trên biển trên cơ sở phát triển các cảng và khu dịch vụ hậu cần nghề cá.
V	**Giáo dục và đào tạo**
	- Xây dựng trường Đại học Vinh, Đại học Y Huế và Đại học Nha Trang thành trường đại học chất lượng cao. - Xây dựng Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại thành phố Đà Nẵng.
VI	**Y Tế**
	- Xây dựng Trung tâm y tế chuyên sâu tại thành phố Huế (Thừa Thiên - Huế) và thành phố Đà Nẵng. - Mở rộng, nâng cấp các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.